

Số: 261 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 12 - 18/4/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 27,9 – 30,2°C; Cao nhất: 37,5°C; Thấp nhất: 23,6°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 67 – 72%; Thấp nhất: 32%.
- Tổng số giờ nắng: 78 – 87 giờ.

Thời tiết: Mây thay đổi, nắng nóng trên diện rộng, hầu hết không mưa.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xứng giống 13.819 ha/15.939 ha, đạt 87% DTKH. Diện tích lúa đang ở các giai đoạn: Trổ - Chín (2.296 ha); Thu hoạch (11.523 ha).

Các giống chủ yếu IR64 tuyền, IR 59606, OM 6976, OM 5451, OM 4900, OMCS 2000, VNĐ 95-20, MTL 110, ML 48 ...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trổ cờ, thu hoạch	12.534
Rau các loại	Các giai đoạn	4.663
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.155
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Đậu trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Ra hoa, đậu trái	4.051
Tiêu	Thu hoạch	17.087
Điều	Nuôi trái, thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Ra hoa, đậu trái	17.172

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa các giai đoạn trổ, chín, thu hoạch; nông dân chủ động phòng trừ nên tình hình SVH có xu hướng giảm. Bệnh đạo ôn lá DTN 140 ha giảm 76 ha, bệnh đạo ôn cổ bông DTN 44 ha giảm 15 ha.

### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn thu hoạch nên SVH không đáng kể.
- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
  - + Cây có múi: Tình hình thời tiết thuận lợi cho các SVH phát triển: sâu vẽ bùa DTN 186 tăng 56 ha, nhện nhỏ DTN 81 ha tăng 18 ha, rệp sáp 58 ha tăng 14 ha.
  - + Xoài: Bọ trĩ DTN 120 ha giảm 60 ha, ruồi đục quả DTN 113 ha tăng 92 ha.
  - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 401 ha tăng 24 ha, bệnh nấm hồng DTN 192 ha tăng 21 ha, bệnh cháy lá, chết đọt DTN 285 ha không biến động.
  - + Chôm chôm: Bệnh cháy mép lá DTN 95 ha tăng 44 ha, rệp sáp DTN 100 ha tăng 4 ha.
  - + Chuối: Bệnh đốm lá vi khuẩn DTN 5 ha giảm 33 ha.
  - + Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 81 ha, có 3 ha nhiễm nặng.
- Cây công nghiệp:
  - + Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 947 ha tăng 69 ha, bệnh chết chậm DTN 856 ha tăng 52 ha, có 4 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 506 ha tăng 8 ha, có 4 ha nhiễm nặng.
  - + Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH có xu hướng giảm: bệnh thán thư DTN 1.916 ha giảm 628 ha, bọ xít muỗi DTN 1.527 ha giảm 353 ha, bọ trĩ 1.047 ha giảm 47 ha.
  - + Cây cao su: Bệnh nấm hồng DTN 342 ha.
  - + Cây mì: Xuất hiện bệnh vi khuẩn DTN 2 ha trên địa bàn huyện Trảng Bom.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt và các SVH khác.
- Cây bắp: Chú ý bệnh rỉ sắt, sâu đục thân, bắp.
- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thúi nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, nhện nhỏ, rệp sáp (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá, rệp sáp bột hồng (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Theo dõi bầy đàn ở địa phương; tình hình thủy văn để xuống giống tập trung, né rầy đối với lúa Hè thu 2018.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

- Tăng cường công tác điều tra phát bệnh khảm lá và rệp sáp bột hồng trên mì.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 12/4 đến ngày 18/4/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		186	0	0	186	0	56.0	84.0	116	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	3 - 10		81	0	0	81	0	18.0	-81.0	117	Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	10 - 12		58	0	0	58	0	14.0	58.0	100	Định Quán, Vĩnh Cửu
Chôm chôm	Rệp sáp	Ra bông-Đậu trái	5 - 15		100	0	0	100	0	4.0	92.0	50	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Định Quán, Cẩm Mỹ
	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	5 - 10		93	2	0	95	0	44.0	-58.0	0	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10		44	7	0	51	0	-33.0	-103.0	0	Trảng Bom
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-Đậu trái	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		401	0	0	401	0	24.0	265.0	177	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Ra bông	5 - 10		285	0	0	285	0	-1.0	178.0	80	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		192	0	0	192	0	21.0	174.0	80	Cẩm Mỹ, Tân Phú
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	61	17	3	81	0	-1.0	33.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Bọ trĩ	Nuôi trái	5		120	0	0	120	0	-60.0	-80.0	80	Xuân Lộc
	Ruồi đục quả	Đậu trái-Cho trái	5 - 8		113	0	0	113	0	92.0	74.0	100	Định Quán, Vĩnh Cửu
	Nhện đỏ	Nuôi trái	5		90	0	0	90	0	-18.0	90.0	40	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10 - 15		34	0	0	34	0	0.0	6.0	0	Thống Nhất, Trảng Bom

	Bệnh cháy lá		3		19	0	0	19	0	0.0	14.0	0	Thông Nhất
Cà phê	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		666	3	0	669	0	52.0	-36.0	123	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		650	14	0	664	0	78.0	183.0	19	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		348	2	0	350	0	8.0	207.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng		5 - 13		400	2	0	402	0	3.0	121.0	0	Cẩm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	13 - 20		340	2	0	342	0	0.0	254.0	208	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Điều	Bệnh thán thư	Bông-trái-thu hoạch	5 - 25	25	1717	199	0	1916	0	-628.0	-126.0	1086	Tân Phú, Xuân Lộc, Long Thành, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom, Định Quán, Thông Nhất
	Bọ xít muỗi	Bông-trái-thu hoạch	5 - 15	15 - 20	1452	75	0	1527	0	-353.0	-314.0	848	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom, Thông Nhất
	Bọ trĩ	Bông-trái-thu hoạch	3 - 10	15 - 20	1015	32	0	1047	0	-47.0	477.0	438	Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thông Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		900	47	0	947	0	69.0	333.0	74	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	726	126	4	856	0	52.0	224.0	94	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thông Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	587	24	1	612	0	9.0	318.0	18	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Định Quán, Thông Nhất, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	458	44	4	506	0	8.0	-296.0	80	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Bệnh chết	Các giai đoạn-	3 - 5	4	172	12	2	186	0	-6.0	75.0	24	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân

	nhanh												Phú, Thống Nhất
Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	2.0	2.0	0	Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn, chín	15		9	2	0	11	0	-7.0	-1.0	0	Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đòng trở chín	5 - 7		140	0	0	140	0	-76.0	139.0	134	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom
	Rầy nâu	Đòng trở chín	20 - 1000		57	0	0	57	0	-4.0	-33.0	53	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom
	Ốc bươu vàng	Đòng trở chín	1 - 3		52	1	0	53	0	-16.0	3.0	4	Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Chín	4 - 5	10	34	10	0	44	0	-15.0	28.0	3	Nhon Trạch, TP Biên Hòa
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đòng trở	10		32	0	0	32	0	13.0	24.0	32	Tân Phú
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	3	3	0	6	0	0.0	1.0	5	Nhon Trạch
	Bọ phấn				3	0	0	3	0	3.0	3.0	0	Thống Nhất
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	10	2	0	12	0	-3.0	12.0	8	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Đậu trái-thu hoạch	5 - 8	15	7	2	0	9	0	0.0	0.0	6	Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	14	0	1.0	0.0	0	Trảng Bom
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	5 - 30	60	7	3	0	10	0	4.0	3.0	7	Nhon Trạch, Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	1 - 10		20.5	0.5	0	21	0	6.0	3.0	15	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10	14	11	0	0	11	0	11.0	7.0	9	Thống Nhất, TP Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Nhon Trạch
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	8 - 10	15	10.5	0	0	10.5	0	3.5	10.5	10	Vĩnh Cửu, Nhon Trạch
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	6.0	6.0	0	Thống Nhất
	Bệnh đỏ lá	Các giai đoạn			4	0	0	4	0	4.0	4.0	0	Thống Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	4	0	1.0	4.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	-1.0	2.0	0	Trảng Bom

